

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2019

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Sô Huy.
2. Bà Phạm Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1994. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1991. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:**

Năm 2013, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Văn Th đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Thới vào ngày 23/12/2013. Quá trình chung sống, chị và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K (nam, sinh ngày 20/6/2014).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th có tính gia trưởng, không cho chị đi làm, bắt buộc chị phải ở nhà nội trợ và chăm sóc con, trong khi tiền bạc thì anh Th khát

khe. Khi chị được đi làm thì anh Th nhiều lần ghen tuông vô cớ, mắng chửi, nhục mạ và đe dọa tính mạng của chị. Sự việc đã được cha mẹ hai bên khuyên can nhưng anh Th chỉ thay đổi được một thời gian ngắn, sau đó vẫn tính nết nào tật nấy không thay đổi được, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng, hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia K đến trưởng thành, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

*** Tại Bản tự khai ngày 17/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:**

Anh thống nhất ý kiến với chị Nguyễn Thị Tr về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Tr. Theo anh, trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh và chị Tr chỉ cãi vả nhau 1 lần rồi chị Tr tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay, ngoài ra anh không có nhục mạ chửi mắng chị Tr. Nay anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

- *Về con chung*: có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K (nam, sinh ngày 20/6/2014). Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K đến trưởng thành, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Th. Về con chung, chị Tr đồng ý giao cháu K cho anh Th nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Th vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị Tr khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là

“Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Th là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2013, vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới cho đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị Tr cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh Th ghen tuông vô cớ, nhiều lần nhục mạ chị. Vào tháng 8/2019, vợ chồng có cãi nhau nên anh Th đã đuổi chị đi khỏi nhà và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị và anh Th không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về phía anh Th không thừa nhận việc chửi mắng, nhục mạ chị Tr, anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chỉ cãi vả nhau 1 lần rồi chị Tr tự ý bỏ nhà đi rồi nộp đơn ly hôn với anh. Anh vẫn còn tình cảm với chị Tr nên anh không đồng ý ly hôn với chị Tr, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Xét thấy, chị Tr có yêu cầu ly hôn, anh Th không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho chị Tr, anh Th hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được. Anh Th cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Tr nhưng lại không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Tr thì khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh Th. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Tr và anh Th cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K (nam, sinh ngày 20/6/2014). Quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và anh Th cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị Tr có thay đổi ý kiến, do hiện nay chị chưa có công việc và thu nhập ổn định nên chị đồng ý giao cháu K cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù chị Tr không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị Tr quyền được thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở chị Tr thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do anh Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Th cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia K (nam, sinh ngày 20/6/2014) cho anh Th nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản chị Tr thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Th cùng xác định không có, không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010522 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận chị Tr đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Phước Thới;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế